

Số: 19/2020/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 10 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Trần Thị Thu P – sinh năm: 1995; Địa chỉ: Khu chung cư M, Làng cá Nại Hiên Đ, số nhà N đường Hoa L, phường Nại Hiên Đ, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

Ông Lê Đức N – sinh năm: 1995; Địa chỉ: Khu chung cư M, số nhà đường Dương Văn N, phường Nại Hiên Đ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của bà Trần Thị Thu P và ông Lê Đức N nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Thu P và ông Lê Đức N kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 139/2016, tại UBND phường Nại Hiên Đ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 10/10/2016. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải bà Trần Thị Thu P trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Đức N có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND phường Nại Hiên Đ, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau thời gian chung sống với nhau, chúng tôi càng ngày càng không tìm

được tiếng nói chung, không hiểu nhau và thường xuyên cãi nhau dẫn đến gia đình luôn ồn ào. Nay chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết Công nhận thuận tình ly hôn với ông Lê Đức N.

- Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Thu P và ông Lê Đức N xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Minh Q, sinh ngày 27.08.2017. Khi ly hôn, chúng tôi thỏa thuận và thống nhất giao con chung Lê Minh Q cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Lê Đức N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/tháng(Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 01.02.2020.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và ông Lê Đức N không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và ông Lê Đức N không có nợ chung.

* Ý kiến của ông Lê Đức N:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Trần Thị Thu P có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND phường Nại Hiên Đ, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau thời gian chung sống với nhau, chúng tôi càng ngày càng không tìm được tiếng nói chung, không hiểu nhau và thường xuyên cãi nhau dẫn đến gia đình luôn ồn ào. Nay chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết Công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con: : tôi và bà Trần Thị Thu P xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Minh Q, sinh ngày 27.08.2017. Khi ly hôn, chúng tôi thỏa thuận và thống nhất giao con chung Lê Minh Q cho bà Trần Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tôi có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/tháng(Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 01.02.2020.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và bà Trần Thị Thu P không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và bà Trần Thị Thu P không có nợ chung.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Thu P và ông Lê Đức N thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông N và bà P lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông N và bà P đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông N và bà P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông N và bà P là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Thu P và ông Lê Đức N xác định có 01 con chung tên là Lê Minh Q, sinh ngày 27.08.2017. Ly hôn, ông N và bà P thỏa thuận thống nhất giao con Lê Minh Q cho bà Trần Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/01tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 01/02/2020.

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thị Thu P và ông Lê Đức N xác định không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu P và ông Lê Đức N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000đồng bà Trần Thị Thu P và ông Lê Đức N thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do bà Trần Thị Thu P và ông Lê Đức N đã nộp theo biên lai thu số 0008328 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn bà Trần Thị Thu P và ông Lê Đức N (*Giấy chứng nhận kết hôn số 139/2016, UBND phường Nại Hiên Đ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 10/10/2016 không còn giá trị pháp lý*).

- Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Thu P và ông Lê Đức N xác định có 01 con chung tên là Lê Minh Q, sinh ngày 27.08.2017. Ly hôn, ông N và bà P thỏa thuận thống nhất giao con Lê Minh Q cho Bà Trần Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/01tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 01/02/2020.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về quan hệ nợ chung: Bà Trần Thị Thu P và ông Lê Đức N xác định không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu P và ông Lê Đức N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000đồng bà Trần Thị Thu P và ông Lê Đức N thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0008328 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường Nại Hiên Đ
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG